

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN V
TỈNH HÀ TĨNH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 16 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nghiêm Khắc Cần**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: **Nguyễn Anh Tuấn**

Ông: **Phan Thúc Định**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Song Hòa** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông **Ngô Đức Việt** - Kiểm sát viên

Trong các ngày 18 tháng 3 và 16 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn S** - Sinh ngày 18/3/1972; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Cán bộ nông trường cao su; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Danh H và bà Trần Thị H (đều đã chết); vợ con: Có vợ Nguyễn Thị T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân Ngày 04/5/2020 bị Công an xã Đ, huyện V xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo đã nộp phạt ngày 27/8/2020. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam mà bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/12/2023 cho đến nay (có mặt)

Họ và tên: **Trần Thị N** - Sinh ngày 01/11/1975; nơi cư trú: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân V và bà Bạch Thị N (đã chết); chồng con: Có chồng là Bùi Văn H và 03 con, con lớn

nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam mà bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/12/2023 cho đến nay (có mặt)

- *Người bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV cao su H, Hà Tĩnh*

Địa chỉ: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV cao su H, Hà Tĩnh ông Phan Châu S chức vụ phó Tổng Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 509 ngày 06/10/2023 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Lê Văn D** – Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Hợp T, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Công nhân (có mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Lao động tự do (có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông **Bùi Văn H** – Sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

+ Ông **Thái Văn H** – Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

+ Ông **Nguyễn Phi A** – Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Đại L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

+ Ông **Trần Hữu T** – Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quang T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

+ Bà **Đặng Thị Thanh H** – Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Hợp L, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

+ Ông **Trần Tuấn V** – Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn Hợp L, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 20 giờ ngày 05/10/2023, Trần Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 38E1-031.74 đến nhà anh Trần Hữu T tại thôn 1, xã Quang T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh để thuê xe ô tô tải của anh T vận chuyển mũ cao su khi trộm cắp được mang đi bán. Khi đến, S nói dối anh T là có bạn mua mũ cao su về nhưng xe hỏng trên đường nên muốn nhờ anh T chở giúp về Hà Tĩnh. Do xe của không đủ điều kiện tham gia giao thông nên anh T không vận chuyển được. Do đó, S nói với anh T: “vậy em biết ai có xe thì thuê giúp anh cái hoặc em biết ai thu mua mũ cao su thì gọi giúp anh với”. Nghe S nói vậy, anh Trần Hữu T đã gọi điện thoại cho Trần

Thị N, trú tại xóm 4, xã Hà L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là người chuyên thu mua mủ cao su và nói với N có ông làm giám đốc nông trường muốn bán mủ cao su rồi anh T đưa điện thoại của mình cho S để trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với N. Qua điện thoại N hỏi Song: “Mủ này là của tiểu điền hay thế nào anh?”, Song trả lời: “Mủ này là của nông trường hàng tháng hoàn thành kế hoạch có dư ra bán để kiếm tiền trả cho công nhân”. Thấy N có vẻ đang lưỡng lự nên S nói tiếp: “Em không phải lo gì đâu, có vấn đề gì anh chịu trách nhiệm, qua đây anh trực tiếp dẫn em đi, em lo chi”. Nghe S nói vậy, N nghĩ chắc S là giám đốc đang kiểm mủ xuất hàng để trả tiền cho công nhân nên đã đồng ý mua mủ cao su của S và thống nhất hẹn nhau gặp tại nhà anh Trần Hữu T. Quá trình chờ N đến, S gọi điện cho anh Nguyễn Phi A (là chồng của em gái vợ S đang đến chơi ở nhà S) nhờ anh A đi khiêng mủ cao su và bảo anh A chạy về dọc theo đường Hồ Chí Minh và S sẽ đứng đón bên đường. Khoảng 15 phút sau, S dẫn anh A vào nhà anh T rồi S nói anh A nán lại để giúp khiêng tý đồ đạc vì S bị đau chân.

Còn Trần Thị N sau khi nói chuyện qua điện thoại với Trần Văn S thì gọi điện thoại cho anh Thái Văn H là người thường làm ăn chung với N để đi bốc mủ cao su, thì anh H đồng ý. Sau đó, N đánh thức chồng là anh Bùi Văn H đang ngủ dậy và nhờ anh H điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 37C-000.20 (là xe mượn của anh Thái Văn H từ trước đó) chở N đi đến đón anh H rồi cùng đi đến nhà anh Trần Hữu T. Khi vào nhà anh T, N gặp S, anh T và anh A. S giới thiệu với N bản thân mình là phó giám đốc nông trường cao su P. N nói với S: “em sợ công ty cao su cài Công an vào bố trí gài bẫy để bắt em thu mua mủ cao su do phạm pháp mà có thì mệt lắm”, thấy vậy, S trấn an tinh thần N: “không phải như em nghĩ đâu mà lo, tôi làm ở đơn vị cao su ở địa bàn đây ai cũng biết tôi cả”. Nghe S nói vậy, N đồng ý mua mủ cao su của S với giá 13.000 đồng/01kg. Tiếp đến, S bảo anh A đi theo Song rồi điều khiển xe mô tô của S đi trước dẫn đường, anh A điều khiển xe mô tô của mình đi sát phía sau; còn N, anh H và anh H đi xe ô tô theo sau vào trụ sở đội cao su Đ thuộc địa phận thôn Bình Q, xã Đ, huyện V. Khi đến trụ sở đội cao su Đ là khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/10/2023, Trần Văn S vào trong dãy nhà làm việc bật đèn nhưng đèn không sáng nên nói với mọi người là hệ thống điện đang bị trục trặc. Còn N sau khi quan sát, kiểm tra các bì mủ cao su thì yêu cầu S phải rạch các bao bì chứa mủ cho thoát hết nước thì S đồng ý, N lấy 01 chiếc liềm mang sẵn từ trước trên xe xuống và rạch thủng các bì mủ cao su đồng thời soi đèn điện thoại để S và anh A bốc các bì mủ cao su đưa cho anh H để xếp trên thùng xe. Khi bốc được khoảng 3 - 4 bì mủ, S bị đau chân nên anh H đã thay S bốc, còn S bật đèn điện thoại soi cho anh A và anh H. Tiếp đó, S đi lại mở cốp xe mô tô của mình, lấy 01 chiếc búa đinh và 01 thanh kim loại đi đến cửa kho chứa mủ cao su rồi kê thanh kim loại lên ổ khóa và dùng búa đập vào nhiều cái để phá khóa, thấy vậy vợ chồng N hỏi S là chìa khóa ở đâu mà phải đập khóa thì S trả lời: “tôi để quên chìa ở nhà nên bây giờ phải đập để mở kho lấy mủ ra”. Khi thấy S đập nhiều lần để phá ổ khóa nhưng không được thì anh H đi lại thay S đập mạnh vài lần vào ổ khóa thì phá được ổ khóa. S mở cửa kho ra cho N rạch các

bì mủ cao su trong kho cho thoát nước, anh A và anh H bốc mủ lên xe để anh H ở trên thùng xe sắp xếp bì. Đến khoảng gần 02 giờ ngày 06/10/2023 thì bốc xong số lượng 55 (năm mươi lăm) bì mủ cao su lên xe ô tô. Vợ chồng N và H lên xe ô tô đi trước, còn S và anh A đi xe mô tô theo sau về nhà anh Thái Văn H. Khi về đến nhà anh H thì anh H, anh H và anh A giúp Trần Thị N chuyển các bao mủ cao su lên bàn cân, N đứng ghi nhận trọng lượng cụ thể vào 01 cuốn sổ, còn Trần Văn S đứng chứng kiến việc cân mủ. Kết quả 55 (năm mươi lăm) bì mủ cao su có tổng trọng lượng là 2340 kg (hai nghìn ba trăm bốn mươi kilogam). Sau khi cân xong, anh H đi tắm, anh H và anh A đi rửa tay, chỉ còn lại N và S vào bàn uống nước tại sân nhà anh H để thỏa thuận việc mua bán. Hai bên thống nhất trừ khấu hao bao bì là 40 kg (bốn mươi kilogam), còn lại 2300 kg mủ thành tiền là 29.900.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng). N đề nghị với S cho anh H tiền công đi bốc 500.000 đồng và cho anh Trần Hữu T 400.000 đồng tiền công giới thiệu nên N còn phải trả cho S là 29.000.000 đồng thì S đồng ý. S cung cấp cho N tài khoản Ngân hàng Agribank số 3703205028454 mang tên TRAN VAN SONG để N chuyển tiền. Trước khi chuyển trả tiền N hỏi S: “anh cho em xin cái hóa đơn bán hàng hoặc viết cho em cái giấy mua bán”. S trả lời: “cái này làm gì có hóa đơn, giấy tờ O hề”. Lúc này N bắt đầu nghi vấn số mủ cao su S đem bán là không đàng hoàng. S nói tiếp với N: “cần phải dự liệu tình huống để xử lý khi sự việc bị phát hiện chứ anh lo xe em đã bị camera ghi lại, sau này xe thường xuyên qua địa bàn V để bị Công an phát hiện”. N nói với S “nghe nói bác là phó giám đốc nông trường nên em sang mua, bác cứ lo việc của bác cho trót lọt thôi, còn em thì có người kêu bán thì em đi mua thôi”. Thấy N nói vậy, S trấn an rằng N cứ yên tâm vì S có nhiều mối quan hệ với người có quyền hành trong xã hội để nhờ cậy khi sự việc bị phát hiện. Lúc này, Trần Thị N đã biết rõ là số mủ cao su Trần Văn S bán cho mình là do S tham ô, lấy trộm của nông trường chứ không phải như lời S nói với N từ đầu. Tuy vậy, do nghĩ đến lợi nhuận nên N vẫn quyết định mua rồi chuyển thành công số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng của Trần Văn S vào lúc 03 giờ 09 phút ngày 06/10/2023. Sau khi nhận đủ tiền vào tài khoản, Trần Văn S điều khiển xe mô tô đi về nhà, còn Nguyễn Phi A cũng điều khiển mô tô về nhà mình.

Ngày 09/10/2023, Trần Văn S nhận thức được hành vi sai trái nên đã đến cơ quan CSĐT Công an huyện V đầu thú. Trước cơ quan CSĐT Công an huyện V, Trần Văn S và Trần Thị N khai nhận toàn bộ hành vi nói trên của mình.

Văn bản số 415 ngày 12/10/2023 của CTTNHH MTV Cao su Hà Tĩnh xác định 55 bì mủ cao su S lấy bán cho N là mủ cao su dạng đông chén. Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 2340 kg mủ cao su dạng đông chén trị giá là 32.760.000 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

*Về vật chứng trong vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ từ Trần Thị N: 55 (năm mươi lăm) bì mũ cao su dạng đồng chén có tổng trọng lượng 2340 kg; một xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu trắng, biển kiểm soát 37C-000.20; một điện thoại di động Iphone 7 màu vàng đã qua sử dụng; một quyển tập học sinh có ghi nhận lại kết quả cân trọng lượng các bao bì cao su; một chiếc liềm có lưỡi bằng kim loại dài 35cm; một chiếc cân bàn màu xanh trắng nhãn hiệu Nhơn Hòa trọng lượng cân tối đa 100kg. Thu từ Trần Văn S: số tiền 29.000.000 đồng có từ bán mũ cao su; một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, biển kiểm soát 38E1-031.74; một điện thoại di động Galaxy A03 đã qua sử dụng. Thu từ đội cao su Đ một ổ khóa “VIỆT TIỆP” màu đen, phần móc khóa màu trắng bạc đã bị gãy vỡ.

Cơ quan điều tra đã trả lại số mũ cao su cho Công ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh và xe ô tô hiệu KIA, biển kiểm soát 37C-000.20 cho Thái Văn H. Vật chứng còn lại chuyển đến Chi cục THA dân sự huyện V để xử lý theo quy định. Đối với chiếc búa đinh và 01 thanh kim loại dùng làm công cụ phá ổ khóa kho cao su thì Trần Văn S khai vớt dưới cầu treo sông Ngàn trươi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

*Về phần Dân sự: Không ai có yêu cầu gì đối với các bị cáo, bị hại Công ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Văn S.

Đối với anh Thái Văn H, anh Bùi Văn H, anh Nguyễn Phi A và anh Trần Hữu T không biết là Trần Văn S đi trộm cắp mũ cao su bán, không biết nội dung trao đổi giữa Trần Thị N và Trần Văn S tại nhà anh H nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét trách nhiệm.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-VQ ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh truy tố Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Trần Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có mặt khai phù hợp với lời khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Văn S.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Tuyên bố Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn S từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Tuyên bố Trần Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đề nghị áp dụng Khoản 1 điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Thị N từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng; 01 điện thoại di động Galaxy A03; số tiền 29.000.000 đồng và ½ giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, BKS 38E1 031.74;

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T ½ giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE;

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) quyển tập học sinh; 01 (một) chiếc liềm; 01 (một) chiếc cân bàn; 01 ổ khóa “VIỆT TIỆP”.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đưa ra tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng tuân thủ quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 00 giờ 30 phút đến gần 02 giờ 00 phút ngày 06/10/2023, tại thôn Bình Q, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Văn S đã thực hiện hành vi trộm cắp 55 bì mù cao su dạng đông chén của đội cao su Đ thuộc Nông trường cao su P – Công ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh, có trọng lượng 2.340 kg, có trị giá là 32.760.000 đồng và bán lại cho Trần Thị N ở xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh với giá 29.000.000 đồng vào lúc 03 giờ 09 phút cùng ngày. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận Trần Văn

S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Từ thời điểm nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp mũ cao su cũng như vận chuyển số mũ cao su trộm cắp về tại nhà anh Thái Văn H bốc xuống, cân xong để bán thì Trần Văn S không nói cho ai biết và Trần Thị N, anh Trần Văn T, anh Bùi Văn H, anh Thái Văn H và anh Nguyễn Phi A cũng đều hoàn toàn không biết số mũ cao su Trần Văn S lấy tại trụ sở đội cao su Đ đưa về anh Thái Văn H là trộm cắp nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét trách nhiệm của Trần Thị N, anh Trần Văn T, anh Bùi Văn H, anh Thái Văn H và anh Nguyễn Phi A về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi Trần Văn S thực hiện hoàn thành việc trộm cắp mũ cao su đưa về nhà anh Thái Văn H bốc xuống, cân xong thì tại đây chỉ còn Trần Văn S với Trần Thị N ngồi lại thống nhất việc mua bán mũ cao su với nhau. Qua quá trình trao đổi với S thì N biết rõ số mũ cao su mà S bán cho N do Song tham ô, lấy trộm mà có chứ không phải như lời S nói ban đầu. Tuy nhiên, do nghĩ đến lợi nhuận nên N vẫn quyết định mua và chuyển khoản trả số tiền mua 2.340 kg mũ cao su cho S là 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng của Trần Văn S vào lúc 03 giờ 09 phút ngày 06/10/2023. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, Trần Thị N đều thừa nhận biết số mũ cao su mua của S là do tham ô, trộm cắp mà có từ thời điểm S và N ngồi lại trao đổi, thống nhất mua bán tại nhà anh H sau khi số mũ cao su đã được vận chuyển về tại nhà anh H bốc xuống, cân xong. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận Trần Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Do việc thống nhất mua bán giữa S và N tại nhà anh Thái Văn H nói trên thì anh Trần Văn T, anh Bùi Văn H, anh Thái Văn H và anh Nguyễn Phi A đều không biết nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của anh T, anh H, anh H và anh A là có căn cứ.

[3] Xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với Trần Văn S đầu thú và được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với Trần Thị N có cha đẻ, mẹ đẻ, ông nội, bà nội đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Qua xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho bị hại; các bị cáo đều có nói cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt Trần Văn S 20 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt Trần Thị N 12 tháng tù cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 màu vàng; 01 (một) điện thoại di động Galaxy A03; số tiền 29.000.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội, có giá trị nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE tuy đứng tên đăng ký Nguyễn Thị T nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định xe mua trong thời kỳ hôn nhân, tiền mua xe là tiền của vợ chồng, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chiếc xe là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị T, việc Trần Văn S sử dụng xe để phạm tội chị T không biết. Do đó, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là phù hợp.

Đối với 01 (một) quyển tập học sinh; 01 (một) chiếc liềm; 01 (một) chiếc cân bàn; 01 (một) ổ khóa “VIỆT TIỆP” là vật chứng không có giá trị, không ai yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 55 (năm mươi lăm) bì mủ cao su dạng đồng chén có tổng trọng lượng 2340 kg, Cơ quan CSĐT Công an huyện V trả lại cho Công Ty TNHH MTV Cao su H, Hà Tĩnh và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu trắng, biển kiểm soát 37C-000.20, Cơ quan CSĐT Công an huyện V trả lại cho anh Thái Văn H là đúng pháp luật.

Đối với số tiền 900.000 đồng mà Trần Văn S và Trần Thị N thỏa thuận cho anh Thái Văn H 500.000 đồng tiền bóc mủ cao su, cho anh Trần Hữu T 400.000 đồng tiền giới thiệu mua mủ cao su thì chưa được thực hiện nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chiếc búa đinh và 01 thanh kim loại dùng làm công cụ phá ổ khóa kho cao su không thu giữ được nên HĐXX không xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn S 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điều i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Thị N 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn S cho UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Trần Thị N cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều a, b Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, Khoản 2, Điều b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone 7; 01 (một) điện thoại di động Galaxy A03; số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng) và ½ (một phần hai) giá trị 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T ½ (một phần hai) giá trị 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) quyển tập học sinh; 01 (một) chiếc liềm; 01 (một) chiếc cân bàn; 01 (một) ổ khóa “VIỆT TIỆP”.

Đặc điểm vật chứng nói trên có tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/02/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Về án phí: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21 và Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc Trần Văn S và Trần Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát;
- Công an;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Khắc Cần

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Anh Tuấn Phan Thúc Định

Nghiêm Khắc Cần